

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 22 tháng 8 năm 2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Diệu Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Khánh

Bà Nguyễn Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Thị Phương Liên là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1992, địa chỉ: **Số H, đường C, phố A, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.**

2. Bị đơn: Anh **Hà Vũ T**, sinh năm 1985, địa chỉ: **Số H, đường C, phố A, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.**

Tại phiên tòa: Có mặt chị **H**, vắng mặt anh **T** (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 6 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Hoàng Thị H** trình bày:

Về hôn nhân: Chị **H** và anh **Hà Vũ T** tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại **UBND phường N, thành phố N** vào ngày 21/7/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau khi chị sinh con thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống,

vợ chồng không có tiếng nói chung, Anh **T** không tu chí làm ăn, không lo toan cho cuộc sống gia đình, thường xuyên đi uống rượu, mỗi lần uống say thường chửi mắng chị. Điểm khởi đầu của mâu thuẫn là tháng 07/2023, anh **T** có quan hệ bất chính bên ngoài, đi tối ngày, về nhà lại chửi mắng chị, trong khi đó chị vừa phải đi làm, vừa phải chăm lo cho gia đình, chăm sóc mẹ anh **T** bị tai biến. Vợ chồng sống cùng nhau nhưng không ngủ chung, không quan hệ vợ chồng từ 03 năm nay. Đầu năm 2024 đến nay, anh **T** không thay đổi, vợ chồng cãi nhau, coi thường nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 06/2024 đến nay. Chị **H** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị **H** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **T**.

Về con chung: Chị **H** và anh **T** có 01 con chung là cháu **Hà Thị Hoàng Y**, sinh ngày 19/11/2010. Hiện nay cháu **Y** đang ở cùng với chị **H**. Chị **H** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Y**, hiện nay chị có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo chăm sóc nuôi dưỡng con chung, nên không yêu cầu anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2024 bị đơn anh **Hà Vũ T** khai: Anh **T** và chị **H** được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2014 đến nay, vợ chồng không còn quan hệ sinh lý. Từ ngày 01/6/2024 chị **H** bỏ về nhà ngoại, từ đó vợ chồng không liên lạc. Vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, sống với nhau nhưng không còn tình cảm. Anh không muốn ly hôn vì muốn duy trì gia đình đến khi con 18 tuổi để con có đủ cả bố và mẹ. Trường hợp chị **H** vẫn yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý vì vợ chồng không còn tình cảm gì.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu **Hà Thị Hoàng Y**, sinh ngày 19/11/2010. Chị **H** có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh cấp dưỡng anh cũng đồng ý vì cháu là con gái nên ở với mẹ sẽ tốt hơn.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên anh không yêu cầu giải quyết.

Tại Đơn trình bày nguyện vọng ngày 28/6/2024, cháu **Hà Thị Hoàng Y** có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, vì mẹ có điều kiện chăm sóc cháu tốt hơn.

Tại Biên bản xác minh ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình và Trưởng **phố A, phường N, thành phố N** về tình trạng hôn nhân giữa chị **Hoàng Thị H** và anh **Hà Vũ T**, Trưởng **phố A** cung cấp như sau: Chị **Hoàng Thị H** và anh **Hà Vũ T** có đăng ký kết hôn hợp pháp năm 2010 tại **UBND phường N, thành phố N**. Sau khi kết hôn, chị **H**, anh **T** chung sống tại địa chỉ **số nhà H, đường C, phố A, phường N, thành phố N**. Khoảng 02 tháng nay chị **H** đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống,

không còn chung sống cùng anh T. Về nguyên nhân mâu thuẫn, đại diện tổ dân phố không nắm được cụ thể. Về con chung; Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Hà Thị Hoàng Y, sinh năm 2010. Chị H yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình nghiên cứu đúng thời gian; trình tự thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền nghĩa vụ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H, cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Hà Vũ T. Quan hệ hôn nhân của chị Hoàng Thị H và anh Hà Vũ T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Thị Hoàng Y sinh ngày 19/11/2020 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Hà Vũ T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Hà Vũ T, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền: Chị Hoàng Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Hà Vũ T và giải quyết việc nuôi con chung, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về

nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hà Vũ T có nơi cư trú tại thành phố N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân:

Chị Hoàng Thị H và anh Hà Vũ T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh T đã phát sinh mâu thuẫn. Chị H khai nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T không tu chí làm ăn, có quan hệ bất chính dẫn đến thường xuyên mắng chửi chị. Từ tháng 6/2024 vợ chồng ly thân, vợ chồng không lạc với nhau nữa. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống cùng nhau nhưng từ năm 2014 đến nay không quan hệ vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, vợ chồng không chung sống cùng nhau, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng, mục đích của hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn lại tình cảm. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Hoàng Thị H và anh Hà Vũ T có 01 con chung là cháu Hà Thị Hoàng Y, sinh ngày 19/11/2010. Chị H đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý với ý kiến của chị H về việc nuôi con chung. Như vậy, chị H, anh T không tranh chấp về việc nuôi con chung. Cháu Hà Thị Hoàng Y có nguyện vọng được ở với mẹ để mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cần giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Y cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, sau khi Hội đồng xét xử giải thích việc cấp dưỡng nuôi con nhằm đảm bảo quyền lợi của con chung, chị H xác định chị đi làm có thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung; anh T công việc không ổn định, đang phải chăm sóc mẹ bị tai biến, không có điều kiện cấp dưỡng, chị H giữ nguyên quan điểm không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy: Chị H có khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung, việc chị H không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện nên không buộc anh T phải cấp dưỡng cho con.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ: Chị Hoàng Thị H và anh Hà Vũ T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị **Hoàng Thị H** phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hoàng Thị H**, cho ly hôn giữa chị **Hoàng Thị H** và anh **Hà Vũ T**. Quan hệ hôn nhân của chị **Hoàng Thị H** và anh **Hà Vũ T** chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị **Hoàng Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **Hà Thị Hoàng Y** sinh ngày 19/11/2010 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh **Hà Vũ T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị **Hoàng Thị H** phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn, số tiền án phí phải nộp được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000301 ngày 04/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Ninh Bình;
- Chi cục THADS thành phố Ninh Bình;
- UBND phường Ninh Phong;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Diệu Oanh

